

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2018/HSST
Ngày: 22-1-2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỒNG XOÀI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Phú Vinh*
- *Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thạnh Nhị; ông Trần Kim Thành*
- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Ngọc Linh – Thư ký Toà án*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đồng Xoài tham gia phiên tòa: Bà Châu Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 1 năm 2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 120/2017/HSST ngày 29 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đỗ Quốc A**; Tên gọi khác: A B; Sinh năm: 1988; HKTT: tổ 8, khu phố TB, phường TB, thị xã Đồng Xoài, Bình Phước; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hoá: 6/12; Con ông Đỗ M B – SN: 1955 và bà Nguyễn Thị C – SN: 1958; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 14 tháng 9 năm 2017 cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Ông Nguyễn D – SN: 1994 (có mặt)
HKTT: khu phố SĐ, phường TX, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
Ông Phạm Nhân E – SN: 1987 (Vắng mặt)
HKTT: khu phố XL, phường TX, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

Ông Trần F – SN: 1984 (vắng mặt)
HKTT: tổ 3, khu phố 2, phường TĐ, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

Ông Nguyễn G – SN: 1986 (vắng mặt)
HKTT: khu phố PL, phường TP, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước
Ông Lê M H – SN: 1960 (vắng mặt)

HKTT: khu phố SĐ, phường TX, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước
Ông Nguyễn M I – SN: 1974 (vắng mặt)
HKTT: ấp TH 1, xã TP, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

Bà Lê Thị Kiều K – SN: 1988 (có mặt)
HKTT: ấp TH1, xã TP, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
Người làm chứng : Ông Nguyễn Hồng L – SN: 1991 (vắng mặt)
HKTT: khu phố BT, phường TT, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước
Ông Nguyễn Hữu M – SN: 1998 (có mặt)
HKTT: khu phố Tân Trà 1, phường Tân Bình, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

NHẬN THẤY:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đồng Xoài truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 13h30 ngày 10 tháng 9 năm 2017 Đỗ Quốc A muốn sử dụng ma túy nhưng không có tiền nên đã nảy sinh ý định mượn xe mô tô của Nguyễn D đi công việc khoảng 15 phút thì Nguyễn D đồng ý. Khi được Nguyễn D giao xe mô tô nhãn hiệu SH Mode BS: 93P1-85639, Nguyễn Quốc A điều khiển xe đến gặp Phạm Nhân E để nhờ tìm người cầm xe. Sau đó Đỗ Quốc A chở Phạm Nhân E đi đến tiệm internet “Nguyễn Hồng L” tại khu phố BT, phường TT, thị xã Đồng Xoài để chơi Nét . Đến khoảng 17 giờ cùng ngày khi Đỗ Quốc A và Phạm Nhân E đang chơi trong tiệm Nét thì bạn của Phạm Nhân E là Trần F đến chơi với Nguyễn Hồng L (*chủ tiệm Nét*). Lúc này Đỗ Quốc A và Phạm Nhân E nói chuyện về việc tìm người cầm xe thì Trần F đi tới hỏi A cầm xe giá bao nhiêu, Đỗ Quốc A nói cầm xe 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) Trần F đồng ý rồi chạy xe mô tô BS: 93P1– 856.39 đến nhà Dương Thanh N ở ấp TH 1, xã TP, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước cầm với số tiền 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*). Sau đó Trần F đưa cho A 4.100.000 đồng (*bốn triệu một trăm ngàn đồng*), số tiền 900.000 đồng (*chín trăm ngàn đồng*) Trần F nói người cầm xe lấy tiền lời trước 500.000 đồng (*năm trăm ngàn đồng*), còn 400.000 đồng (*bốn trăm ngàn đồng*) Trần F trả cho Đỗ Quốc A sau. Khi có tiền, Đỗ Quốc A trả cho Phạm Nhân E 800.000 đồng (*tám trăm ngàn đồng*) tiền mua ma túy trước đó, số tiền còn lại Đỗ Quốc A mua ma túy để sử dụng và tiêu xài cá nhân hết. Đến trưa ngày 12 tháng 9 năm 2017 Đỗ Quốc A và Phạm Nhân E tới nhà Nguyễn G để nhậu, tại đây Nguyễn G đã cho Đỗ Quốc A mượn 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) để chuộc xe, lúc này Phạm Nhân E điện thoại cho Trần F thì Trần F nói giá chuộc xe 5.500.000 đồng (*năm triệu năm trăm ngàn đồng*) nên Đỗ Quốc A đưa thêm 500.000 đồng (*năm trăm ngàn đồng*) cho Phạm Nhân E, chiều cùng ngày Phạm Nhân E điện thoại cho Trần F không được nên đi đến phòng trọ của Nguyễn Hữu M thuộc khu phố TT 1, phường TB để tìm Trần F thì Nguyễn Hữu M điện thoại cho Trần F thì Trần F nói Phạm Nhân E giao tiền cho Nguyễn Hữu M thì Phạm Nhân E đồng ý và giao số tiền 5.500.000 đồng (*năm triệu năm trăm ngàn đồng*) cho Nguyễn Hữu M. Đến sáng ngày 13 tháng 9 năm 2017, Nguyễn Hữu M đem tiền đến nhà nghỉ “Nhu Lam” thuộc khu phố XL, phường TX, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước giao và Trần F hẹn trong ngày sẽ chuộc xe mô tô nhãn hiệu SH Mode BS: 93P1-85639 nhưng Trần F không chuộc xe mà tiêu xài cá nhân hết tiền.

Đến ngày 14 tháng 9 năm 2017, Nguyễn D đã đến công an thị xã đồng Xoài trình báo sự việc cùng ngày Cơ quan CSĐT công an thị xã Đồng Xoài đã bắt khẩn cấp đối với Đỗ Quốc A.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 xe mô tô hiệu Honda SH Mode màu nâu – trắng BS: 93P1 865.39 SK 512FY045317, SM: JF51E285896.

Tại Kết luận định giá số 90/KLĐG ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thị xã Đồng Xoài, kết luận: xe mô tô hiệu Honda SH Mode màu nâu – trắng BS: 93P1 865.39 SK 512FY045317, đã qua sử dụng có giá là 43.000.000 đồng (*bốn mươi ba triệu đồng*).

Ngày 06 tháng 11 năm 2017, Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an thị xã Đồng Xoài đã ra quyết định xử lý vật chứng: Trả lại 01 xe mô tô hiệu Honda SH Mode màu nâu – trắng BS: 93P1 865.39 SK 512FY045317 cho Nguyễn D.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyễn D đã nhận lại tài sản nên không có yêu cầu gì.

Tại bản Cáo trạng số 128/CTr-VKS ngày 28 tháng 11 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đồng Xoài đã truy tố bị cáo **Đỗ Quốc A** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 139; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1,2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo **Đỗ Quốc A** từ 18-24 tháng tù.

Bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, lời trình bày của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Quốc A khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng số 128/CTr-VKS ngày 28 tháng 11 năm 2017 của viện kiểm sát nhân dân thị xã Đồng Xoài truy tố.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của người bị hại, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận định giá, phù hợp về thời gian, địa điểm, cách thức thực hiện tội phạm, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu chứng cứ khác đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận : Ngày 10 tháng 9 năm 2017 bị cáo Đỗ Quốc A có hành vi gian dối mượn xe mô tô biển số 93P1 865.39 của Nguyễn D (*Xe này do ông Lê M H đứng tên sở hữu*

nhưng ông H xác nhận đã cho Nguyễn D) để đi công việc, nhưng sau đó đã nhờ Trần F mang xe đi cầm cho Dương Thanh N lấy tiền mua ma túy về sử dụng. Trị giá xe trên là 43.000.000 đồng (bốn mươi ba triệu đồng). Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999.

[3] Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, trong quá trình thực hiện tội phạm, bị cáo hoàn toàn có đủ khả năng nhận thức và điều khiển được hành vi của mình, có đủ sức khỏe để lao động kiếm sống nhưng vì động cơ tư lợi cá nhân, muốn có tiền tiêu xài và mục đích mua ma túy để sử dụng mà bị cáo đã lợi dụng lòng tin của anh Nguyễn D, nói dối là mượn xe đi công chuyện để anh Nguyễn D giao xe cho bị cáo, sau đó bị cáo đem xe nhờ Trần F cầm cho đối tượng tên Dương Thanh N với giá 4.300.000 đồng (bốn triệu ba trăm ngàn đồng) và tiêu xài hết. Vì vậy, trong cáo trạng và tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị các bị cáo Đỗ Quốc A theo khoản 1 điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp với pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân là khách thể được pháp luật bảo vệ, gây mất lòng tin trong quần chúng nhân dân. Do đó cần xét xử bị cáo một mức án thật nghiêm để bị cáo thấy được sự nghiêm minh của pháp luật và nhận thức được hành vi sai trái của mình.

[5] Tuy nhiên khi lượng hình cần xem xét, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1,2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 theo hướng có lợi cho bị cáo.

[6] Đối với Phạm Nhân E là người được bị cáo nhờ đi cầm xe và được bị cáo cho sử dụng ma túy đá từ tiền của bị cáo cầm xe mà có nhưng Phạm Nhân E không biết nguồn gốc xe và không giúp bị cáo cầm xe nên không xử lý.

[7] Đối với Trần F là người đem xe đi cầm giúp cho bị cáo nhưng Trần F không biết nguồn gốc của xe nên không đề cập xử lý. Riêng hành vi của Trần F nhận số tiền 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm ngàn đồng) từ Phạm Nhân E để chuộc xe mô tô BS: 93P1 865.39 nhưng Trần F không chuộc xe mà tiêu xài cá nhân hết rồi bỏ trốn. Cơ quan cảnh sát Điều tra công an thị xã Đồng Xoài tiếp tục điều tra, xác minh, xử lý sau nên không xem xét trong vụ án này.

[8] Đối với Dương Thanh N là người cầm xe mô tô BS: 93P1 865.39 nhưng hiện nay N không có mặt tại địa phương. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh để xử lý sau nên cũng không xem xét trong vụ án này.

[9] Đối Lê Thị Kiều K là vợ của Dương Thanh N có biết được việc N cầm xe cho Trần F là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nhưng không biết nguồn gốc của chiếc xe mô tô nên cũng không đặt ra vấn đề để xử lý.

[10] Đối với ông Nguyễn M I là người cho Lê Thị Kiều K gửi xe nhờ nhưng không biết được nguồn gốc của chiếc xe mô tô nên cũng không đặt ra vấn đề để xử lý.

[11] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

[11.1] Nguyễn D đã nhận lại tài sản là xe mô tô BS: 93P1 865.39 và có yêu cầu gì về bồi thường trách nhiệm dân sự nên cũng không đặt ra vấn đề để xem xét.

[11.2] Đối với Nguyễn G là người cho bị cáo mượn 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) để đi chuộc lại xe. Tại phiên tòa, anh Nguyễn G vắng mặt, nhưng trong quá trình điều tra anh G yêu cầu bị cáo trả lại cho anh với số tiền là 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) và tại phiên tòa bị cáo đồng ý. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận này.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo **Đỗ Quốc A** (tên gọi khác: A B) phạm tội: *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 139; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999 và điểm s khoản 1,2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Đỗ Quốc A** 01 năm 6 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 14 tháng 9 năm 2017.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự 2015:

Tuyên buộc bị cáo **Đỗ Quốc A** có trách nhiệm trả cho Nguyễn G số tiền đã mượn là 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị K có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước
- Sở Tư pháp Tỉnh Bình Phước
- Phòng PV 27- Công an tỉnh Bình Phước
- VKSND tỉnh Bình Phước
- VKSND thị xã Đồng Xoài;
- Nhà tạm giữ CA thị xã Đồng Xoài;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS

TAND THỊ XÃ ĐỒNG XOÀI
Thẩm phán

Văn Phú Vinh

